TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HS-ST
Ngày 15-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiện và ông Lê Quốc Thiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 15-4-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2024/TLST-HS ngày 01-4-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HS ngày 03-4-2024 đối với:

Các bị cáo:

1. Phạm Đức H***, sinh năm 1993;*** Tên gọi khác: Không; HKTT: Không có; Nơi đăng ký khai sinh: Tổ Đ, thị trấn T, huyện T (nay là huyện B), tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Con ông Phạm Đức L (đã chết) và con bà Nguyễn Thị L1 (đã chết); H là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị tạm giữ ngày 16-12-2023 và tạm giam ngày 19-12-2023; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. *Có mặt*

2. Hoàng Văn T***, sinh ngày 18-10-2006;*** Tên gọi khác: Không; HKTT: Bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Hoàng Văn S và con bà Lường Thị L2; Gia đình có 03 anh em, T là con lớn; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị tạm giữ ngày 16-12-2023 và tạm giam ngày 19-12-2023; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. *Có mặt*

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T**:** Bà Phạm Thị Thu H1 – Luật sư thực hiện hợp đồng trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. *Có mặt.*

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Văn T**:**

- Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1984 và bà Lường Thị L2, sinh năm 1985; Đều trú tại: Bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Là bố, mẹ đẻ của bị cáo T.

- Ông Nguyễn Hữu T1 – Bí thư Đoàn xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.
Đều vắng mặt tại phiên toà

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1983; Địa chỉ: xóm Q, thôn T, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/12/2023, tại khu ký túc xá Đ thuộc xã N, huyện V; Cơ quan CSĐT Công an huyện V bắt quả tang Hoàng Văn T, sinh năm 2006, có hộ khẩu thường trú tại bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; ở tại phòng 25, dãy C, ký túc xá Đ thuộc xã N, huyện V, khi T đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. T3 tại lòng bàn tay trái của T 13 gói giấy đều chứa chất màu trắng dạng cục và bột được niêm phong ký hiệu T1; thu trong lòng bàn tay phải của T đang cầm 01 điện thoại di động nhãn hiệu POCO C40 màu đen, bên trong lắp 01 sim có số thuê bao 0879432291. T khai nhận 13 gói giấy trên đều chứa chất màu trắng dạng cục và bột là heroine, T vừa mua của Phạm Đức H, sinh năm 1993, tại phòng 50, dãy 3, ký túc xá Đ thuộc xã N, huyện V, trong đó 12 gói là T mua hộ cho một người thanh niên không rõ lai lịch để họ sử dụng, còn 01 gói là T mua để T sử dụng.

Cùng ngày 16/12/2023, Phạm Đức H đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V đầu thú về hành vi mua bán trái phép chất ma tuý và tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu đen, bên trong lắp sim có số thuê bao 0976625204; 01 giấy khai sinh mang tên Phạm Đức H; 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Văn T và số tiền 1.300.000đồng (gồm 01 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng và 08 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng) là tiền vừa bán ma túy cho T mà có.

Cũng trong ngày 16/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Văn T tại phòng số 25, dãy C, khu đô thị Đ. Kết quả khám xét không thu giữ được đồ vật gì có liên quan.

Cơ quan CSĐT Công an huyện đã Quyết định trưng cầu giám định về ma túy đối với 13 gói giấy chứa chất màu trắng dạng cục và bột đã thu giữ của T trong niêm phong ký hiệu T1; đồng thời cho T và H đi xét nghiệm đối với chất ma túy có trong cơ thể. Kết quả xét nghiệm xác định: Thư dương tính với ma túy (MOP), H âm tính với ma tuý. Tại bản kết luận giám định số 47/KL-KTHS(MT) ngày 19/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: Chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong ghi ký hiệu T1 là heroine, có tổng khối lượng 0,453 gam. H2 lại mẫu vật sau giám định gồm: 0,426 gam heroine, các mảnh giấy gói ma tuý, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

Quá trình điều tra xác định: Hoàng Văn T là lao động tự do trong khu đô thị Đ và là người nghiện chất ma tuý. Phạm Đức H cũng là lao động tự do, thường xuyên đi lang thang, không có nơi ở. Khoảng cuối tháng 9/2023 H đến tìm việc và làm lao động tự do trong khu đô thị Đ thuộc xã N, huyện V. Do không có công việc ổn định và cần tiền tiêu xài cá nhân nên H nảy sinh ý định mua ma túy (là heroine) về chia nhỏ, rồi bán cho những người khác để kiếm lời. Khoảng 08 giờ ngày 13/12/2023 H đến khu ký túc xá Đ, gặp một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) và hỏi mua ma túy của người đàn ông này với số tiền 300.000 đồng thì người đàn ông này đưa cho H 03 gói ma túy. H cầm số ma túy trên rồi đi ra dãy nhà vệ sinh của ký túc xá Đ, chia số ma túy vừa mua thành 06 gói nhỏ rồi lại mang ra khu ký túc xá Đ, bán 04 gói cho 04 người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch được số tiền 400.000 đồng (100.000 đồng/gói). H bán chịu cho T 02 gói với giá 200.000 đồng (trong đó 01 gói bán vào ngày 13/12/2023 và 01 gói bán vào ngày 14/12/2023); nhưng do mua chịu nên T đưa cho H căn cước công dân của T để làm tin và trả tiền sau. Số ma túy nêu trên, T mang ra khu nhà vệ sinh ký túc xá Đại An 4 sử dụng hết vào các ngày 13, 14/12/2023. Đến khoảng 21 giờ ngày 15/12/2023 H tiếp tục đến khu ký túc xá Đ gặp và mua của người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) đã mua lần trước 05 gói ma túy (heroine) với số tiền 500.000 đồng. H mang 05 gói ma túy trên ra khu nhà vệ sinh ký túc xá Đại An 4 chia thành 13 gói nhỏ cất vào trong người với mục đích để bán kiếm lời. Khoảng 11 giờ ngày 16/12/2023 T ra khu vực nhà vệ sinh ký túc xá Đ thì gặp một người thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) đưa cho T số tiền 1.200.000 đồng, nhờ T mua hộ ma túy (là heroine) về sử dụng thì T đồng ý. T cầm số tiền của người thanh niên trên rồi nhắn tin qua ứng dụng zalo cho H hỏi mua ma túy. H đồng ý và hẹn T đến phòng 50, dãy 3, ký túc xá Đ; T đến và đưa cho H số tiền 1.300.000đồng, trong đó có 100.000 đồng của T còn 1.200.000 đồng là của người thanh niên nêu trên. H đưa cho T 13 gói ma túy (heroine), T cầm 13 gói ma túy trong lòng bàn tay trái đi ra khu vực nhà vệ sinh ký túc xá Đ để sử dụng 01 gói của mình và đưa 12 gói mua hộ cho người thanh niên nhờ mua trước đó, nhưng trên đường đi thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện V phát hiện, bắt quả tang. Còn H, sau khi biết T bị bắt, cũng đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V xin đầu thú.

Ngày 16/12/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện V, kiểm tra điện thoại thu giữ của T và H xác định: Trong ứng dụng zalo trên điện thoại thu giữ của T và H đều có lưu trữ nội dung tin nhắn trao đổi về việc mua bán ma tuý giữa T và H.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho H và 04 người đàn ông khác mua ma túy của H vào ngày 13/12/2023 cũng như người thanh niên nhờ T mua hộ ma túy. Do không không xác định được đặc điểm, nhân thân, lai lịch cụ thể, nên không có căn cứ để cơ quan điều tra xác minh xử lý và cũng không đủ căn cứ để xác định H đã bán ma túy cho 02 người trở lên.

Đối với hành vi của Hoàng Văn T đã sử dụng trái phép chất ma tuý vào các ngày 13, 14/12/2023 tại khu nhà vệ sinh ký túc xá Đại An 4, thì ngày 22/3/2024 Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo.

Vật chứng, đồ vật, tài liệu đã thu giữ, chưa xử lý gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu POCO C40 màu đen, bên trong lắp 01 sim số thuê bao 0879432291 được niêm phong ký hiệu T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu đen, bên trong lắp sim số thuê bao 0976625204 được niêm phong ký hiệu ĐT2; 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Văn T; 01 giấy khai sinh mang tên Phạm Đức H; 01 phong bì hoàn lại mẫu vật sau giám định, bên trong có 0,426 gam heroine, các mảnh giấy gói ma tuý, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định. Số tiền 1.300.000 đồng do H giao nộp được gửi tại tài khoản của Công an huyện V mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Cáo trạng số: 52/CT-VKSVG ngày 01-4-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Phạm Đức H về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Cả 02 bị cáo đều thành khẩn khai báo, diễn biến động cơ, mục đích và hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bị cáo Phạm Đức H phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và bị cáo Hoàng Văn T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự (đối với Phạm Đức H); Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự (đối với Hoàng Văn T). Xử phạt: Phạm Đức H từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16-12-2023; xử phạt Hoàng Văn T và từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16-12-2023. Về xử lý vật chứng, khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: tịch thu cho phát mại để sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu POCO C40 màu đen, bên trong lắp sim số thuê bao 0879432291 và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, vỏ màu đen, bên trong lắp sim số thuê bao 0976625204; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.300.000đồng đã thu giữ của H; tịch thu cho tiêu hủy: 01 phong bì hoàn lại mẫu vật gửi giám định, bên trong có 0,426gam Heroine; các mảnh giấy gói ma tuý và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định; Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Văn T và trả lại cho bị cáo Phạm Đức H 01 giấy khai sinh mang tên Phạm Đức H. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Bị cáo H, T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo T, có quan điểm: Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, hành vi của bị cáo đã rõ ràng; đồng ý với lời luận tội của Kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo T đồng ý với lời bào chữa và cả hai bị cáo đều không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Cả hai bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhân tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, được chứng minh bằng các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu; Sơ đồ, bản ảnh vật chứng; Kết luận giám định; bản tường trình và lời khai của các bị cáo; lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Trong các ngày 13, 14 và 16-12-2023, tại ký túc xá Đ, thuộc xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Phạm Đức H đã 03 lần bán trái phép chất ma tuý cho Hoàng Văn T, trong đó: Lần thứ nhất và lần thứ hai, H bán chịu cho T, mỗi lần 01 gói ma tuý với giá 100.000đồng và T đã sử dụng hết; lần thứ ba H bán cho T 13 gói, có tổng khối lượng là 0,453 gam ma tuý, loại Heroine, với giá là 1.300.000đồng, trong đó 12 gói Thư mua hộ cho người khác sử dụng, còn 01 gói là T mua để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, còn H đã tự ra đầu thú.

Với hành vi nêu trên của Hoàng Văn T đã phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và hành vi 03 lần bán ma tuý nêu trên của Phạm Đức H đã phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đã truy tố Hoàng Văn T và Phạm Đức H theo tội danh và điều luật thể hiện trong Cáo trạng số 52/CT-VKSVG ngày 01-4-2024 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của cả hai bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, bị cáo hiểu được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người, hiểu được tệ nạn ma túy

đang là mối quan tâm nhức nhối của toàn xã hội nhưng vì nhằm thoả mãn cơn nghiện, bị cáo T vẫn cố ý tàng trữ trái phép chất ma túy và vì lợi nhuận, bị cáo H cố ý thực hiện hành vi bán ma túy để kiếm lời nên các bị cáo phải chịu mức án tương xướng với hành vi phạm tội của mình.

[3]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

- Về nhân thân: Cả hai bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, T là đối tượng nghiện chất ma túy.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H đã tự ra đầu thú nên bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như đã phân tích ở trên thấy cần thiết phải cho cách ly cả hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội. Cần căn cứ các Điều 90, 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự, đẻ quyết định hình phạt đối với T.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có việc làm nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, vật chứng được xử lý như sau:

- Cơ quan Công an đã thu giữ của Hoàng Văn T 0,453 gam ma tuý, loại Heroine, sau khi gửi đi giám định trọng lượng còn hoàn lại: 0,426gam ma túy, H3 là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Các mảnh giấy gói ma tuý và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 1.300.000đ, H đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT, xác định đây là số tiền do H phạm tội mà có nên cần tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu POCO C40 màu đen, bên trong lắp sim số thuê bao 0879432291 và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, vỏ màu đen, bên trong lắp sim số thuê bao 0976625204 là phương tiện các bị cáo dung vào việc phạm tội nên tịch thu cho phát mại để sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Văn T và 01 giấy khai sinh mang tên Phạm Đức H là giấy tờ tuỳ thân nên trả lại cho các bị cáo.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Phạm Đức H và Hoàng Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Do bị cáo T đến nay vẫn là vị thành niên, không có tài sản riêng nên người đại diện của bị cáo là anh Hoàng Văn S và chị Lường Thị L2 (là bố, mẹ đẻ bị cáo), có trách nhiệm nộp thay bị cáo số tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa và người đại diện hợp pháp của bị cáo T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: - Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự *(đối với* Hoàng Văn T*)*.

- Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự *(đối với* Phạm Đức H*)*.

Tuyên bố: + Phạm Đức H phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy";*

+ Hoàng Văn T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy";*

Xử phạt: + Phạm Đức H 08 *(tám)* năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16-12-2023.

+ Hoàng Văn T 01 *(một)* năm 03 *(ba)* tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16-12-2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu cho phát mại để sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu POCO C40 màu đen, bên trong lắp sim số thuê bao 0879432291 và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, vỏ màu đen, bên trong lắp sim số thuê bao 0976625204;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.300.000đ *(Một triệu ba trăm nghìn đồng)*.

(Số tiền 1.300.000đ, hiện đã nộp vào tài khoản số 3949.0.1047804 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang tại **K huyện V***, theo ủy nhiệm chi ngày 12-4-2024 của* **Công an huyện V***)*

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì hoàn lại mẫu vật gửi giám định, bên trong có 0,426gam Heroine; các mảnh giấy gói ma tuý và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định;

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Văn T và trả lại cho bị cáo Phạm Đức H 01 giấy khai sinh mang tên Phạm Đức H.

(Tình trạng, số lượng, chủng loại, đặc điểm vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10-4-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V *với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên)*

3. Về án phí: Buộc Phạm Đức H và Hoàng Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Anh Hoàng Văn S và chị Lường Thị L2 (là bố, mẹ đẻ bị cáo T), có trách nhiệm nộp thay bị cáo T số tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15-4-2024). Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Văn T (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: - VKS, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên; - Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; - Viện kiểm sát, Công an huyện Văn Giang; - Chi cục THADS huyện Văn Giang; - Bị cáo; người đại diện hợp pháp; - Người bào chữa; - Lưu: Hồ sơ, Văn phòng Tòa án.	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa** **Phạm Văn Huấn**